

Số: 1344/QĐ-UBND

Kiến Thụy, ngày 16 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: Xây dựng đường giao thông, hệ thống thu gom, xử lý nước thải ven sông Đa Độ, đoạn từ nhà ông Thuởng đến thôn Cẩm Hoàn giai đoạn 1

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KIẾN THỤY

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư 38/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng; Thông tư 37/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật; Quyết định số 2595/2022/QĐ-UBND ngày 10/8/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc công bố Bộ đơn giá xây dựng công trình trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Quyết định số 65/QĐ-SXD ngày 14/01/2026 của Sở xây dựng thành phố Hải Phòng về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Quyết định số 66/QĐ-SXD ngày 14/01/2026 của Sở Xây dựng thành phố Hải Phòng về việc công bố bảng giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 1172/QĐ-UBND ngày 07/11/2025 của Ủy ban nhân dân xã Kiến Thụy về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình: Xây dựng cầu, đường giao thông và hệ thống thu gom, bể xử lý nước thải ven sông Đa Độ, đoạn từ cống Xuất Khẩu đến thôn Cẩm Hoàn;

Căn cứ Quyết định số 214/QĐ-UBND ngày 02/02/2026 của Ủy ban nhân dân xã Kiến Thụy về việc chuyển giao nhiệm vụ Chủ đầu tư các công trình đầu tư công năm 2026 do Ủy ban nhân dân xã phê duyệt giao các phòng chuyên

môn làm chủ đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 1048/QĐ-UBND ngày 01/6/2026 của Ủy ban nhân dân xã Kiến Thụy về việc phê duyệt phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án: Xây dựng cầu, đường giao thông và hệ thống thu gom, bể xử lý nước thải ven sông Đa Độ, đoạn từ cống Xuất Khẩu đến thôn Cẩm Hoàn;

Theo đề nghị của phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 19/TTr-XD,NN&MT ngày 16/7/2026, kèm theo Văn bản số 11/XD,NN&MT ngày 16/7/2026 về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: Xây dựng đường giao thông, hệ thống thu gom, xử lý nước thải ven sông Đa Độ, đoạn từ nhà ông Thường đến thôn Cẩm Hoàn giai đoạn 1.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: Xây dựng đường giao thông, hệ thống thu gom, xử lý nước thải ven sông Đa Độ, đoạn từ nhà ông Thường đến thôn Cẩm Hoàn giai đoạn 1, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên công trình: Xây dựng đường giao thông, hệ thống thu gom, xử lý nước thải ven sông Đa Độ, đoạn từ nhà ông Thường đến thôn Cẩm Hoàn giai đoạn 1.

2. Loại, cấp công trình: Công trình giao thông, nhóm C, cấp IV.

3. Mã số dự án: 8181041

4. Địa điểm xây dựng: xã Kiến Thụy

5. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Kiến Thụy.

6. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Kiến Thụy.

7. Tổ chức lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình: Công ty CP thiết kế kiến trúc Hoàng Phát.

8. Mục tiêu dự án:

- Bảo vệ nguồn nước sông Đa Độ, ngăn chặn các hành vi xâm hại đến hệ thống kè được kiên cố hóa.

- Xây dựng đường dạo, tăng cường cảnh quan sinh thái bên bờ sông.

- Từng bước cụ thể hóa Quy hoạch chung thị trấn Núi Đồi và vùng phụ cận (trước ngày 1/7/2025, nay thuộc xã Kiến Thụy sau sáp nhập) đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050, tỷ lệ 1/2000 được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt tại Quyết định số 1528/QĐ-UBND ngày 02/7/2018.

9. Quy mô, phương án đầu tư xây dựng:

9.1. Quy mô đầu tư xây dựng

- Tuyến có tổng chiều dài tuyến $L = 409,43 \text{ m}$
- Chiều rộng mặt đường: $B_{\text{mặt}} = 5.5 \text{ m}$.
- Độ dốc ngang mặt đường $i = 2\%$.
- Chiều rộng hè đường $B_{\text{hè}} = 2 \times 2,0 \text{ m}$;
- Độ dốc hè đường 1.5% dốc về phía mặt đường.

9.2. Phương án xây dựng

* Nền mặt đường

- Kết cấu áo đường có các lớp từ trên xuống như sau:
 - + Bê tông nhựa chặt (BTNC 12,5), dày 6cm;
 - + Lớp nhựa thấm bảm; tiêu chuẩn nhựa $1,0 \text{ kg/m}^2$;
 - + Cấp phối đá dăm loại 1 dày 15 cm
 - + Cấp phối đá dăm loại 2 dày 18 cm
 - + Cấp phối đất núi $K=0,98$ dày 30 cm
 - + Cát hạt mịn $K=0,95$ dày 25 cm
 - + Cát hạt mịn $K=0,90$ dày 25 cm
 - + Cát hạt mịn $K=0,90$ bù vênh nền đường
- Kết cấu hè đường:
 - Gạch terazzo $400 \times 400 \times 30 \text{ mm}$.
 - Lớp vữa lót vữa xi măng M75, dày 2cm.
 - Lớp bê tông M200 đá 1x2, dày 10cm.
 - Lớp nilon cách ly.
 - Lớp đất núi đầm chặt $K \geq 0,90$.
- Bó vỉa, đan rãnh:
 - + Bó vỉa dùng loại bó vỉa vát kích thước $23 \times 35 \times 100 \text{ cm}$ cho đoạn thẳng và kích thước $23 \times 35 \times 50 \text{ cm}$ cho đoạn cong.
 - + Đan rãnh kích thước $25 \times 50 \times 6 \text{ cm}$.
 - + Bó vỉa, đan rãnh đúc sẵn bằng bê tông M200 đá 1x2.
 - + Móng bê tông M150 đá 2x4 dày 10cm.
- Gia cố nền móng đường:
 - + Sau khi đào bỏ lớp đất yếu không phù hợp tiến hành gia cố cọc tre xuống nền móng đường cọc tre dài 3m mật độ cọc 25 cọc/m².

+ Rải vải địa kỹ thuật 12KN/m gia cố nền đường.

+ Đắp cát hạt mịn nền móng đường độ chặt K90.

- Bó gáy hè:

+ Bó hè xây gạch không nung, vữa xi măng M75, trát vữa xi măng M75 dày 1cm, móng bê tông M150 đá 2x4 dày 10cm.

* Hệ thống An toàn giao thông:

- Trên tuyến bố trí các biển báo an toàn giao thông theo Quy chuẩn 41/2024-BGTVT về báo hiệu đường bộ.

- Tất cả các loại sơn đều là sơn dẻo nhiệt, phản quang đảm bảo để người lái xe có thể nhận biết được cả vào ban ngày lẫn ban đêm trong mọi điều kiện thời tiết tuân thủ theo tiêu chuẩn TCVN 7887:2018 về màng phản quang dùng cho báo hiệu đường bộ.

* Cây xanh cảnh quan trên tuyến:

+ Thiết kế bố trí các ô trồng cây kích thước 1,46x1,46m khoảng cách trung bình 10 m/ hồ trên vỉa hè, xây bằng gạch không nung, vữa xây trát xi măng cát mác 75.

+ Trồng cây xanh huy động nguồn xã hội hóa.

* Hệ thống thoát nước mặt:

- Xây dựng hệ thống thoát nước trên hè cống D600 bên trái tuyến kết hợp hệ thống cống ngang D400.

Phương án thiết kế cống dọc D600 bên trái tuyến như sau:

+ Ống cống sử dụng ống cống BTCT D600 đúc ly tâm mác 300, tải trọng thiết kế HL93, chiều dài 2,5m/ đốt cống.

+ Mỗi nối cống dùng gioăng cao su, trát vữa xi măng M100, phủ vải địa kỹ thuật 2 lớp, quét nhựa bitum;

+ Móng cống bằng các khối BTCT M250 đá 1x2.

+ Mỗi đoạn cống 2,5m được kê trên 3 đế cống.

+ Lót móng bằng đá dăm đá 2x4 dày 10cm

+ Đắp đất nui đầm chặt K90 móng cống.

Phương án thiết kế cống ngang D400 như sau:

+ Ống cống sử dụng ống cống BTCT D400 đúc ly tâm mác 300, tải trọng C, chiều dài 2,5m/ đốt cống.

+ Mỗi nối cống dùng gioăng cao su, trát vữa xi măng M100, phủ vải địa kỹ thuật 2 lớp, quét nhựa bitum;

- + Móng cống bằng các khối BTCT M250 đá 1x2.
- + Mỗi đoạn cống 2,5m được kê trên 3 đế cống.
- + Lót móng bằng đá dăm đá 2x4 dày 10cm
- Ga có tác dụng thu nước, phương án thiết kế như sau:
 - + Ga thu xây bằng gạch không nung, vữa xi măng M75, trát trong vữa XM M75, dày 2cm.
 - + Lót móng bằng đá dăm đá 2x4 dày 10cm
 - + Đáy ga bằng bê tông M200 đá 1x2, láng vữa XM M75 dày 2cm.
 - + Tấm đan ga bê tông cốt thép mác 250 đá 1x2;
 - + Nắp ga bằng composite khung vuông nắp tròn, kích thước 850x850mm.
 - + Cửa thu nước đúc sẵn bằng BTCT mác 250 đá 1x2.
 - + Lưới chắn rác bằng composite kích thước 960x530mm.
- * Hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt khu dân cư:

Hệ thống thu gom nước thải được thiết kế bên phải tuyến phía khu dân cư, nước thải sinh hoạt của nhân dân được thu gom qua hệ thống ga khoảng cách trung bình 25 m/ga và ống dẫn nước HDPE đường kính D400mm PN6 dẫn nước từ đầu tuyến xuống cuối tuyến và đầu nối bể xử lý nước thải (vị trí xem trên bình đồ thiết kế), nước thải sau quy trình xử lý được dẫn và xả vào kênh thoát nước hiện trạng đảm bảo các quy trình bảo vệ môi trường và nguồn nước theo quy định.

Phương án thiết kế được bố trí như sau.

- + Ống dẫn nước được thiết kế bằng ống HDPE D400 PN6 tại vị trí từ ga TNT_1 đến Ga GTG_1 độ dốc 0.2%
- + Ống được đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải (bể xử lý nước thải) nước thải sau quy trình xử lý đạt tiêu chuẩn thải loại B (QCVN 14/2008/BTNMT), được dẫn qua hệ thống ga và ống dẫn HDPE D400 PN6 và ga thăm xả vào kênh thoát nước hiện trạng.
- Ga thu gom nước thải
 - + Ga thu xây bằng gạch không nung, vữa xi măng M75, trát trong vữa XM M75, dày 2cm.
 - + Lót móng ga bằng bê tông M100 đá 4x6.
 - + Giếng cổ ga bê tông đá 1x2 mác 200.
 - + Tấm đan BTCT đá 1x2 mác 250.
- Kết cấu bể xử lý nước thải:

- + Bể xử lý nước thải Bê tông cốt thép toàn khối, bê tông đá 1x2 mác 250.
 - + Móng được gia cố cọc tre D8-10cm, chiều dài 2,5m mật độ 20 cọc/m²
 - + Cát đen lót đầu cọc dày 10cm
 - + Bê tông lót móng đá 4x6 mác 100 dày 10cm
 - + Đắp hoàn trả móng bể bằng đất đào tận dụng K90.
- (Phần công nghệ xử lý nước thải xem phần phụ lục)

*** Hệ thống Điện Chiếu sáng:**

Bố trí một hàng cột dọc bên phải tuyến đường trên phạm vi vỉa hè. Toàn bộ cột đèn sử dụng loại cột thép bát giác côn rời cần. Cột và cần đèn được mạ kẽm nhúng nóng. Khoảng cách cột trung bình từ $\leq 28\text{m}$ đến $\leq 35\text{m}$. Cột cao 6,0m, cần đèn cao 2,0m vươn 1,5m.

Móng cột thép bát giác được đúc tại chỗ, bê tông móng đá 1x2 M150. Khi đúc móng đặt sẵn ống nhựa HDPE 65/50 để luồn cáp.

Đèn chiếu sáng dùng đèn LED công suất 100W dimming 5 cấp.

Cáp điện sử dụng cáp CXV/DATA 3x16+1x10mm² luồn trong ống HDPE D65/50.

Dây cáp điện lên đèn dùng dây CU/PVC/PVC 2x2.5mm². Sử dụng tủ điều khiển chiếu sáng chuyên dụng.

Tủ điều khiển theo thời gian để cấp điện đến các đèn. Cấp nguồn từ tủ điều khiển ra tuyến đèn sử dụng mạng 3 pha/4 dây.

Bê tông móng mác M200, bên trong đặt bộ khung xương móng cột bằng thép được chế tạo định hình cho từng loại cột dùng để liên kết thân cột đèn với móng.

Hệ thống tiếp địa cho các cột đèn bằng cọc L63x63x6 dài 2,5m. Các cột chiết sáng đầu tiếp địa liên hoàn với nhau bằng dây đồng trần M10.

10. Danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng

Quy chuẩn, tiêu chuẩn thiết kế:

STT	Tên tiêu chuẩn	Mã hiệu
1.	Đường ô tô – Yêu cầu thiết kế	TCVN 4054:2005
2.	Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế	TCVN 13592:2022
3.	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị	QCVN 07 : 2023/BXD
4.	Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài – Yêu cầu thiết kế	TCVN 7957:2023
5.	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ	QCVN 41:2024/BGTVT

STT	Tên tiêu chuẩn	Mã hiệu
6.	Thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép	TCVN 5574:2018
7.	Áo đường mềm – các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế	TCCS 38:2022/TCĐBVN
8.	Tiêu chuẩn thiết kế chiếu sáng nhân tạo đường, đường phố, quảng trường đô thị.	TCVN 259:2001
9.	Chiếu sáng nhân tạo bên ngoài các công trình công cộng và kỹ thuật hạ tầng đô thị - Tiêu chuẩn thiết kế	TCXDVN: 333 - 2005

Quy chuẩn, tiêu chuẩn thi công, nghiệm thu:

STT	Tên tiêu chuẩn	Mã hiệu
1	Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường – Thi công và nghiệm thu	TCVN 8859: 2023
2	Thi công và nghiệm thu lớp mặt đường bằng bê tông nhựa nóng	TCVN 13567: 2022
3	Công tác đất – Thi công và nghiệm thu	TCVN 4447: 2012
4	Màng phản quang dùng cho báo hiệu đường bộ	TCVN 7887:2018
5	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép lắp ghép – Thi công và nghiệm thu	TCVN 9115:2019
6	Tổ chức thi công	TCVN 4055:2012

11. Dự toán xây dựng (làm tròn): 19.115.440.000 đồng (Bằng chữ: Mười chín tỷ, một trăm mười năm triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn đồng).

*** Trong đó:**

- Chi phí Xây dựng	:	15.938.666.899	đồng
- Chi phí Thiết bị	:	123.670.800	đồng
- Chi phí quản lý dự án	:	450.069.915	đồng
- Chi phí tư vấn ĐTXD	:	1.464.329.714	đồng
- Chi phí khác	:	228.027.874	đồng
- Chi phí dự phòng	:	910.674.591	đồng

12. Thời gian thực hiện: 2026 - 2027.

13. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách xã.

- Dự kiến bố trí kế hoạch vốn năm 2026 là: **11.500.000.000 đồng**.

14. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

15. Đơn vị quản lý, vận hành sau đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Kiến Thụy.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Kiến Thụy chịu trách nhiệm tiếp nhận, quản lý, tổ chức triển khai công trình theo các nội dung được duyệt tại Điều 1 và các quy định về quản lý đầu tư xây dựng theo pháp luật hiện hành. Thực hiện

nghiệm thu, bàn giao công trình xây dựng theo quy định của Luật Xây dựng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã; Trưởng phòng Kinh tế; Lãnh đạo phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng xã Kiến Thụy; Thủ trưởng các ngành, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND xã;
- Lưu: VT.

Lưu Văn Thụy